

Bản chi tiết sản phẩm
Ngày phát hành 19/02/2016
Mã số 2.1.001
Hiệu đính lần 13
SikaGrout®-212-11

SikaGrout® -212-11

Vữa rót gốc xi măng, bù co ngót, có thể bơm được

Construction

| | |
|------------------------------|---|
| Mô tả | SikaGrout® -212-11 là vữa rót gốc xi măng, tự san bằng, bù co ngót với thời gian cho phép thi công được kéo dài để thích ứng với nhiệt độ địa phương. |
| Các ứng dụng | SikaGrout® -212-11 thích hợp cho các công việc rót vữa sau: <ul style="list-style-type: none">■ Nền móng máy.■ Bê đường ray.■ Cột trong các kết cấu đúc sẵn.■ Định vị bu lông.■ Gối cầu.■ Các lỗ hổng.■ Các khe hở.■ Các hốc tường.■ Nơi sửa chữa cần cường độ cao. |
| Ưu điểm | SikaGrout® -212-11 là một loại vữa rất kinh tế và dễ sử dụng. Những ưu điểm khác gồm: <ul style="list-style-type: none">■ Độ chảy lỏng tuyệt hảo■ Ổn định kích thước tốt■ Cường độ cao, độ sệt có thể điều chỉnh■ Không tách nước■ Không độc hại, không bị ăn mòn■ Sử dụng được ngay chỉ cần thêm nước■ Kháng va đập, rung động■ Có thể bơm vữa bằng máy bơm thích hợp |
| Chứng chỉ | Kết quả thí nghiệm thực hiện tại Việt Nam |
| Thông tin về sản phẩm | |
| Dạng/Màu | Bột/Xám bê tông |
| Đóng gói | 25 kg/bao |
| Lưu trữ | Nơi khô mát có bóng râm |
| Thời hạn sử dụng | Tối thiểu 6 tháng nếu lưu trữ đúng cách trong bao bì nguyên chưa mở. |
| Thông số kỹ thuật | |
| Khối lượng thể tích | ~ 1.60 kg/lít (khối lượng thể tích đồ đồng của bột) ~ 2.20 kg/lít (khối lượng thể tích của vữa mới trộn) |



| | |
|---------------------------------|--|
| Tỉ lệ trộn (bình thường) | SikaGrout : nước = 1 : 0.14 (theo khối lượng) |
| Độ sệt có thể chảy được | Lượng nước cần thiết để trộn một bao 25 kg khoảng từ 3.25 đến 3.75 lít tùy thuộc vào độ sệt yêu cầu. |
| Mật độ tiêu thụ | Một bao cho khoảng 13.10 lít vữa. Cần 76 bao để tạo 1m ³ vữa. |
| Nhiệt độ thi công | Tối thiểu 10°C Tối đa 40°C |
| Lỗ hổng tối thiểu | SikaGrout®-212-11: 8 mm |
| Lỗ hổng tối đa | Xin vui lòng liên hệ với Phòng Kỹ Thuật |

Đặc tính (27°C/ độ ẩm môi trường 65%)

| Chỉ tiêu | Giá trị | Tiêu chuẩn |
|-----------------------------|------------|------------------------|
| Hàm lượng nước | 13 - 15% | |
| Thử nghiệm về độ chảy lỏng | 25 - 32 cm | ASTM C230-90, không gổ |
| Sự tách nước | Không có | ASTM C940 – 89 |
| Giãn nở (3 giờ) | ≥ 0.1% | ASTM C940 – 89 |
| Thời gian ninh kết ban đầu | ≥ 5 giờ | ASTM C403 – 90 |
| Thời gian ninh kết sau cùng | ≤ 12 giờ | ASTM C403 – 90 |

Cường độ nén (27°C)

| | | |
|---------|------------------------|------------------|
| 1 ngày | ≥ 25 N/mm ² | ASTM C349 / C109 |
| 3 ngày | ≥ 41 N/mm ² | ASTM C349 / C109 |
| 7 ngày | ≥ 52 N/mm ² | ASTM C349 / C109 |
| 28 ngày | ≥ 60 N/mm ² | ASTM C349 / C109 |

Thi công

| | |
|------------------------|---|
| Chuẩn bị bề mặt | Bề mặt bê tông phải sạch, đặc chắc, không dính dầu mỡ và các tạp chất khác. Các bề mặt bằng kim loại (sắt, thép) phải không có vẩy, rỉ sét hoặc dầu mỡ. Các bề mặt hút nước phải được bão hoà hoàn toàn, nhưng không để đọng nước. |
| Trộn | Bột được thêm từ từ vào nước đã được định lượng trước sao cho thích hợp với độ sệt mong muốn. Trộn bằng máy trộn điện có cần trộn với tốc độ thấp (tối đa 500 vòng/phút) ít nhất 3 phút cho đến khi đạt được độ sệt, mịn. Có thể sử dụng những thiết bị trộn 2 cần loại máy trộn thùng khuấy béc. |

| | |
|-----------------|---|
| Thi công | Rót vữa sau khi trộn. Phải bảo đảm không khí còn bị nhốt trong vữa được giải thoát hết. Khi rót vữa vào đế, phải duy trì cột áp suất để giữ cho dòng chảy của vữa không bị gián đoạn. Phải bảo đảm ván khuôn được dựng chắc chắn và kín nước. Để đạt hiệu quả giãn nở tối ưu, thi công vữa càng nhanh càng tốt. Rót vữa lỏng ở các bộ máy Tưới nước toàn bộ nhưng không để đọng nước trên các lỗ bu lông. Nếu có thể, rót vữa lỏng vào các lỗ neo trước, sau đó rót vữa lỏng vào đế. Giữ cho dòng vữa chảy liên tục. |
|-----------------|---|

Rót vữa lỏng vào mặt đáy

Tưới nước trước khoảng 24 giờ, không để đọng nước. Giữ áp suất thủy lực không đổi để cho vữa chảy liên tục. Dùng cáp hoặc dây xích để đảm bảo các lỗ hống được lấp đầy. Phải đảm bảo bột khí thoát ra hết để dằn.

Rót vữa lỏng vào các hốc lớn/thể tích lớn

Tùy thuộc vào thể tích cần được lấp và độ dày của khoảng hở, có thể thêm cốt liệu lớn vào vữa lỏng SikaGrout® -212-11 ở tỉ lệ 50-100% khối lượng của bột SikaGrout® -212-11. Các cốt liệu tròn thích hợp hơn cốt liệu dẹt.

Khi rót vữa vào các khu vực có độ dày lớn hơn 60mm, việc dùng thêm cốt liệu lớn và/hoặc nước lạnh sẽ làm giảm nhiệt độ phát sinh trong giai đoạn đông cứng ban đầu.

Sự neo sắt đặc biệt (neo bu lông đá ở đường hầm):

Vui lòng tham khảo thêm các sản phẩm vữa và neo móc sắt của công ty Sika.

| | |
|------------------|--|
| Bảo dưỡng | Giữ bề mặt vữa lộ thiên có thể nhìn thấy được càng nhỏ càng tốt và bảo vệ vữa tránh mất hơi nước sớm bằng các biện pháp bảo dưỡng thông thường (giữ ẩm, phủ bao bố ướt, dùng hợp chất bảo dưỡng như Antisol E). |
| Vệ sinh | Rửa sạch các dụng cụ bằng nước ngay sau khi sử dụng. Vữa đã đông cứng chỉ có thể cạo bỏ bằng các biện pháp cơ học. |
| Lưu ý | Nhiệt độ thi công tối thiểu là 10°C. Nếu nhiệt độ thi công thấp hơn 20°C thời gian ninh kết và cường độ đạt được sẽ chậm hơn. Phải tuân thủ thời gian bảo dưỡng thông thường tối thiểu là 3 ngày ở những nơi bề mặt vữa lộ thiên. |

Thông tin về sức khỏe và an toàn

| | |
|-------------------------|---|
| Sinh thái học | Không đổ bỏ vào nguồn nước |
| Đổ bỏ chất thải | Theo qui định địa phương |
| Vận chuyển | Không nguy hiểm |
| Lưu ý quan trọng | SikaGrout có gốc xi măng nên mang tính kiềm. Cần cẩn thận hạn chế tối đa tiếp xúc trực tiếp với da. Nếu sản phẩm rơi vào mắt, phải rửa ngay lập tức bằng nước sạch và đến gặp bác sĩ. Giá trị về cường độ ghi trong tài liệu là giá trị trung bình được thực hiện trong phòng thí nghiệm. Kết quả thực tế ngoài công trường có thể thay đổi do sự khác nhau về điều kiện môi trường, bảo dưỡng và thí nghiệm. Luôn luôn tiến hành đúc mẫu thử tại công trường trước khi sử dụng. Vui lòng tham khảo Tài Liệu Kỹ Thuật mới nhất của sản phẩm. |

Miễn trừ

Các thông tin, và đặc biệt, những hướng dẫn liên quan đến việc thi công và sử dụng cuối cùng của các sản phẩm Sika, được cung cấp với thiện chí của chúng tôi dựa trên kiến thức và kinh nghiệm hiện tại của Sika về sản phẩm trong điều kiện được lưu trữ đúng cách, sử dụng và thi công trong điều kiện bình thường theo hướng dẫn của Sika. Trong ứng dụng thực tế, chúng tôi không bảo đảm sản phẩm sẽ phù hợp với một mục đích cụ thể nào đó nếu có sự khác biệt về vật tư, cốt liệu và điều kiện thực tế của công trường, cũng như không có một ràng buộc pháp lý nào đối với chúng tôi ngụ ý từ các thông tin này hoặc từ một hướng dẫn bằng văn bản, hay từ bất cứ một tư vấn nào. Người sử dụng sản phẩm này phải thí nghiệm xem sản phẩm có phù hợp với mục đích thi công họ mong muốn không. Sika có quyền thay đổi đặc tính của sản phẩm mình. Quyền sở hữu của bên thứ ba phải được chú ý. Mọi đơn đặt hàng chỉ được chấp nhận dựa trên Bảng Điều Kiện Bán Hàng hiện hành của chúng tôi. Người sử dụng phải luôn tham khảo Tài Liệu Kỹ Thuật mới nhất của sản phẩm. Chúng tôi sẽ cung cấp các tài liệu này theo yêu cầu.

Construction



Sika Limited (Vietnam)

Khu Công Nghiệp Nhơn Trạch 1
Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai
Tel: (84-61) 3560 700 Fax: (84-61) 3560 699
www.sika.com.vn, sikavietnam@vn.sika.com

